CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

FireAnt

Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP

Ngày 30/06/2025	30,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	2.7%	**-6.5%**	**-2.6%**

DT thuần
Q2/25
5,890
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 213| 3.8%
YoY: ▲ 1,237| 26.6%

LN thuần
Q2/25
1,423
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 137| 10.6%
YoY: ▲ 637| 81.0%

LN sau thuế
Q2/25
1,579
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 223| 16.4%
YoY: ▲ 644| 68.9%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
34.3%
YoY: +/-▲ 5.5%

ROE (TTM)
Q2/25
9.3%
YoY: +/-▲ 0.9%

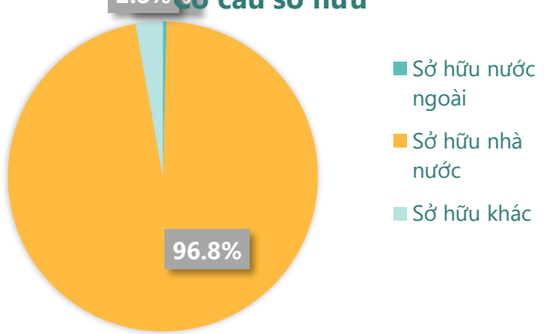
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	22,300 - 38,145
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	121,200
Số lượng CPLH (CP)	4,000,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,377,105
Sở hữu nước ngoài	0.4%
Beta	1.34
EPS	1,387
P/E	21.8

DT thuần
6T 2025
11,567
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2,329| 25.2%

LN thuần
6T 2025
2,709
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1,214| 81.2%

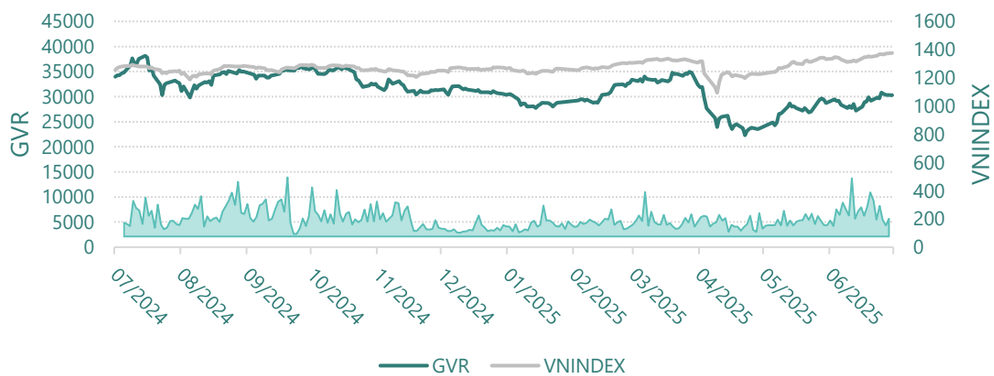
LN sau thuế
6T 2025
2,935
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1,350| 85.2%

Cơ cấu sở hữu

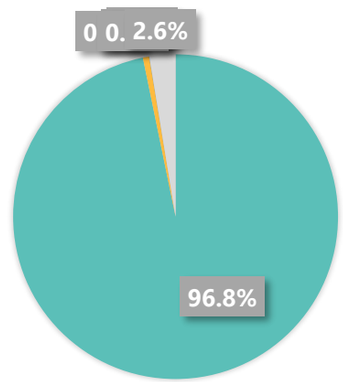


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

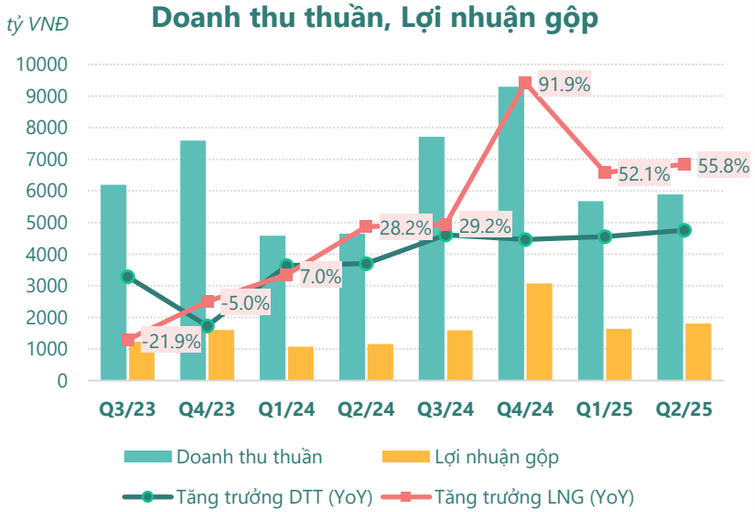


- Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp
- CTCP Xây dựng Incontec
- Nguyễn Cửu Tuệ
- Phạm Văn Thành
- Trần Ngọc Thuận
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

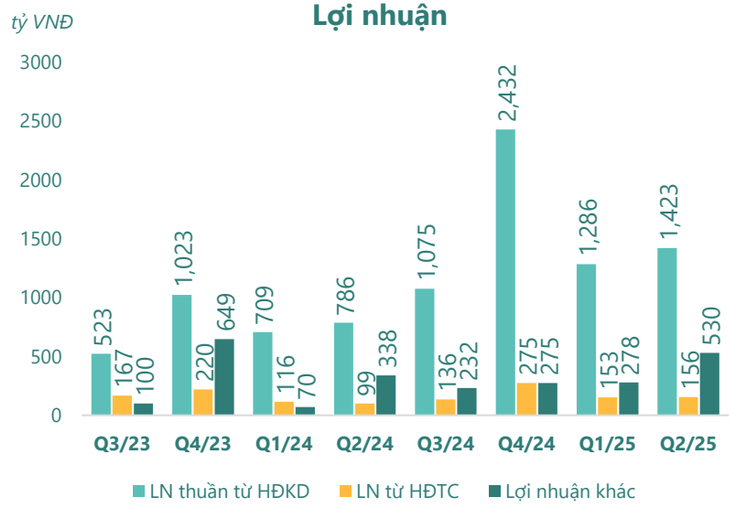
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



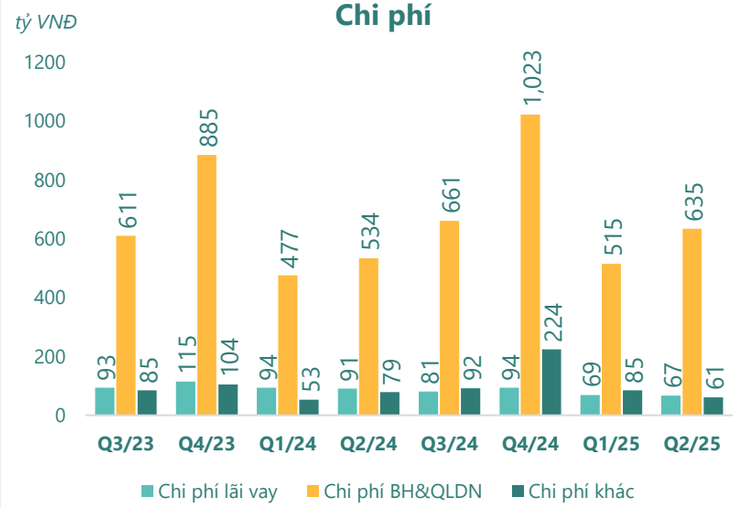
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



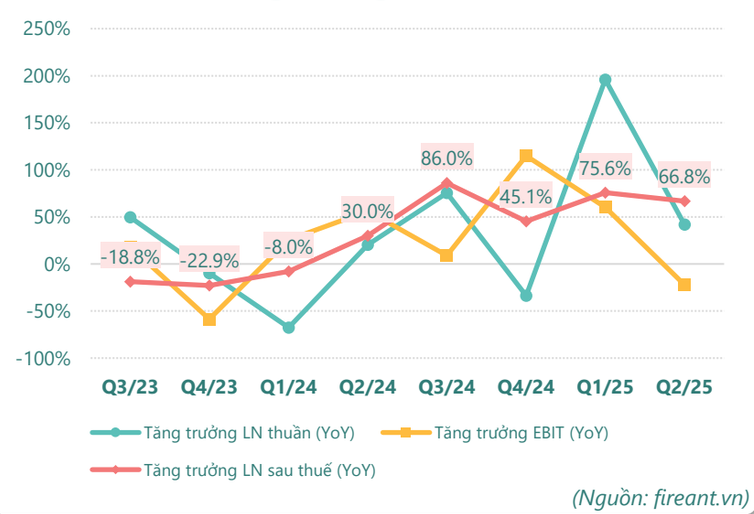
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



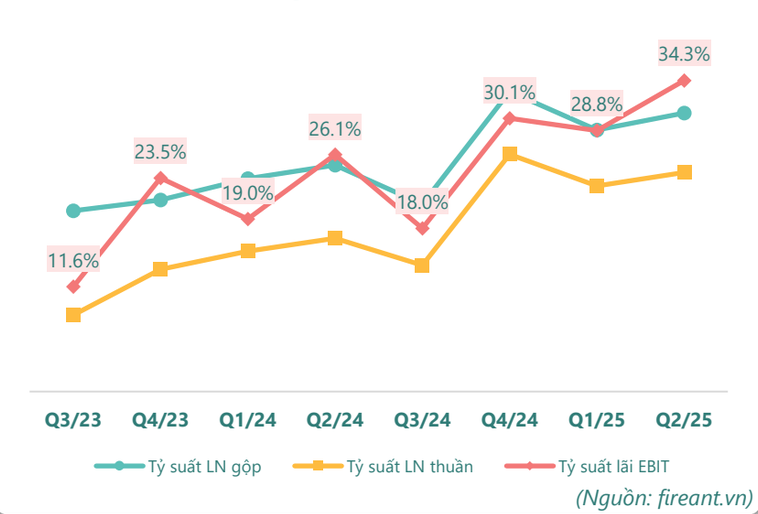
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



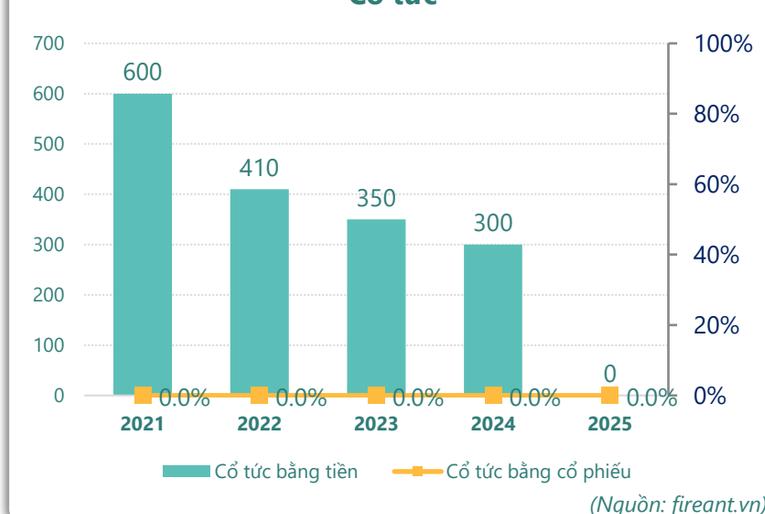
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

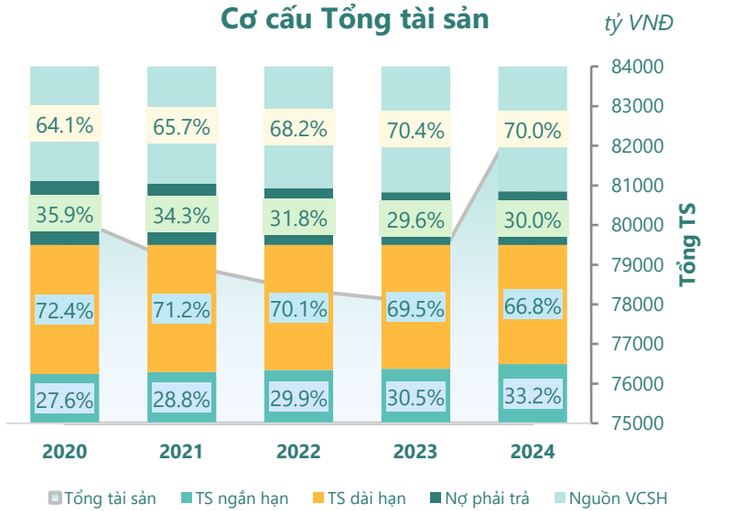
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

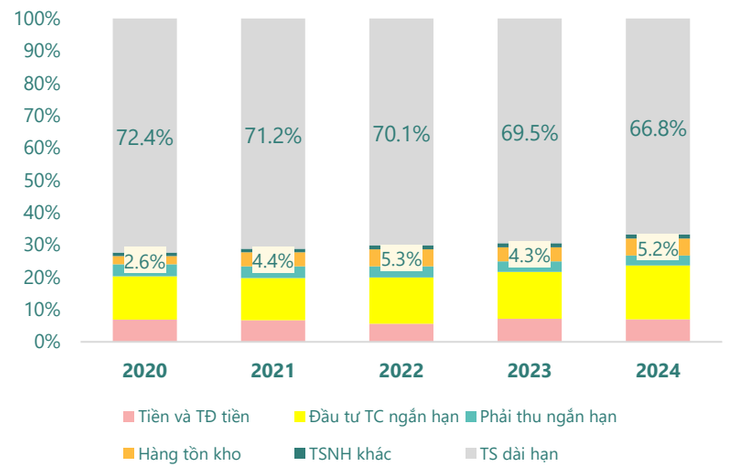
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



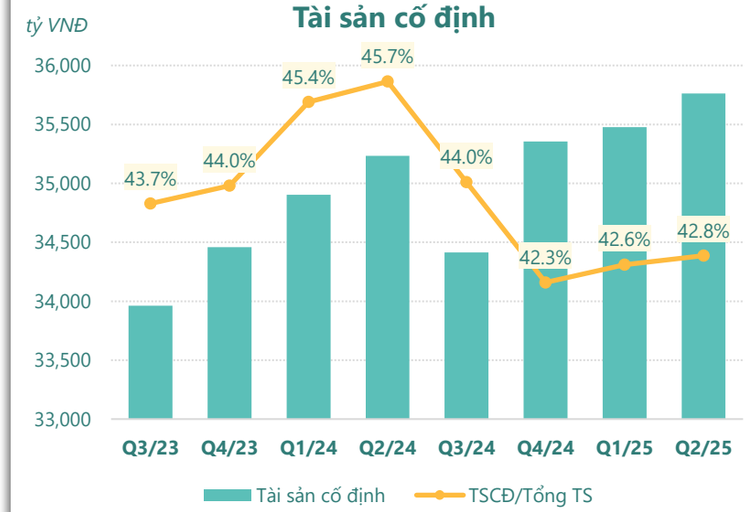
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



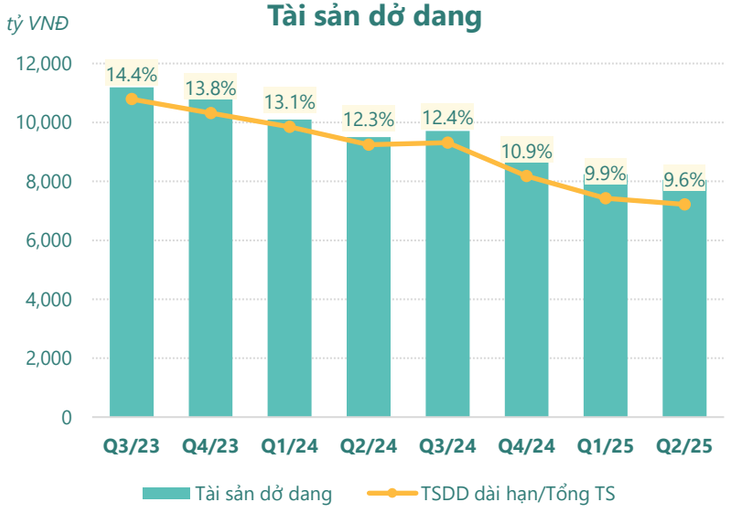
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



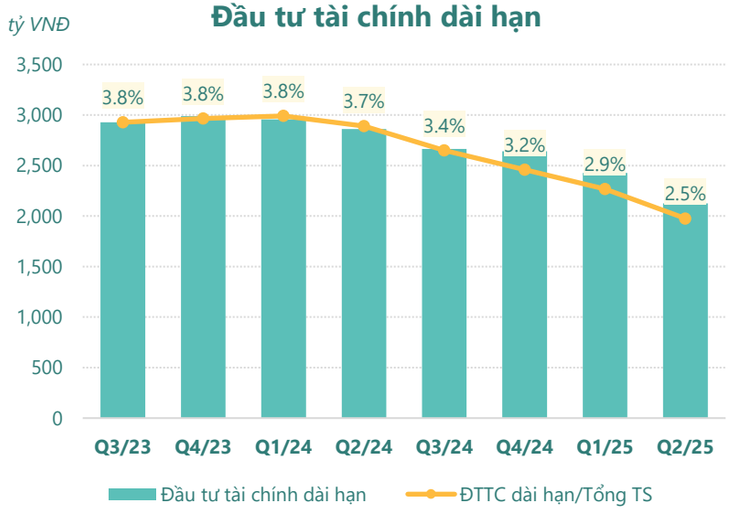
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



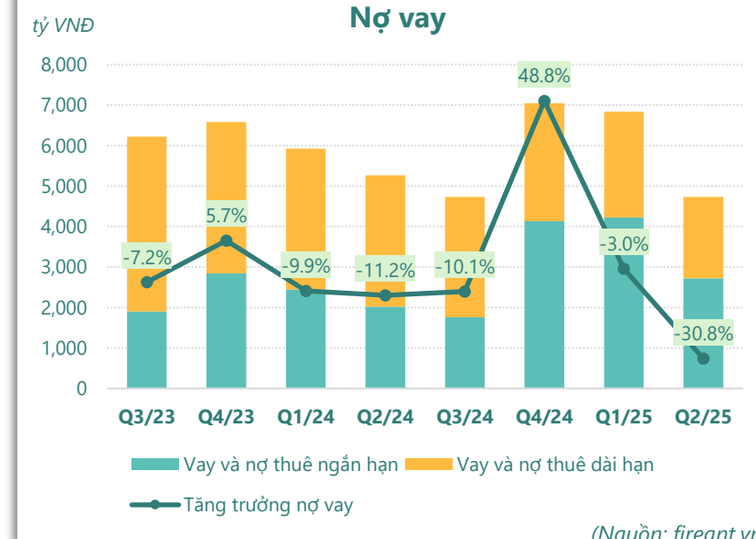
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

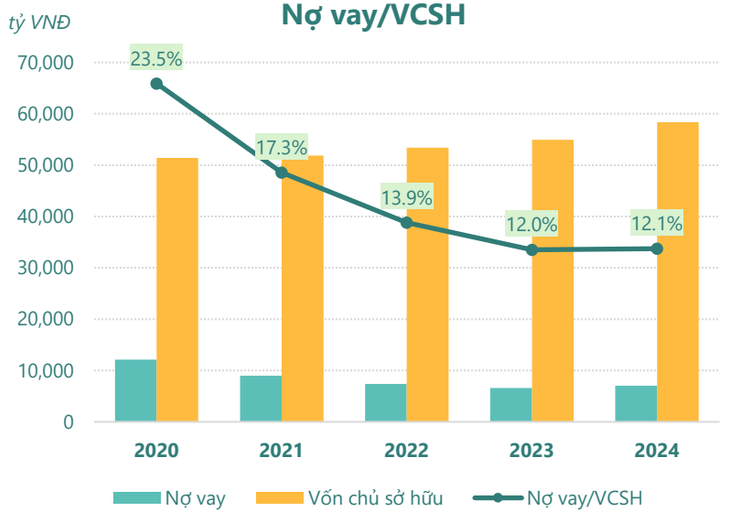
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

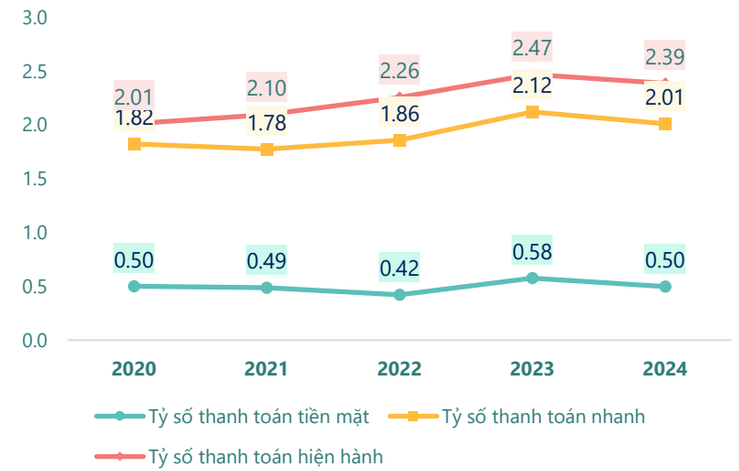
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



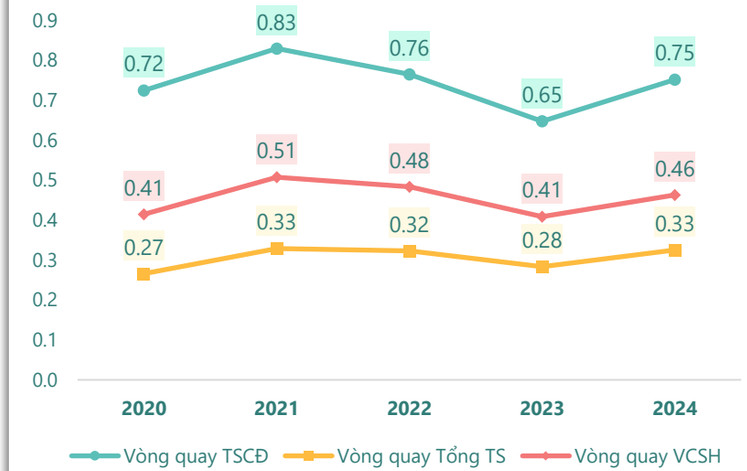
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



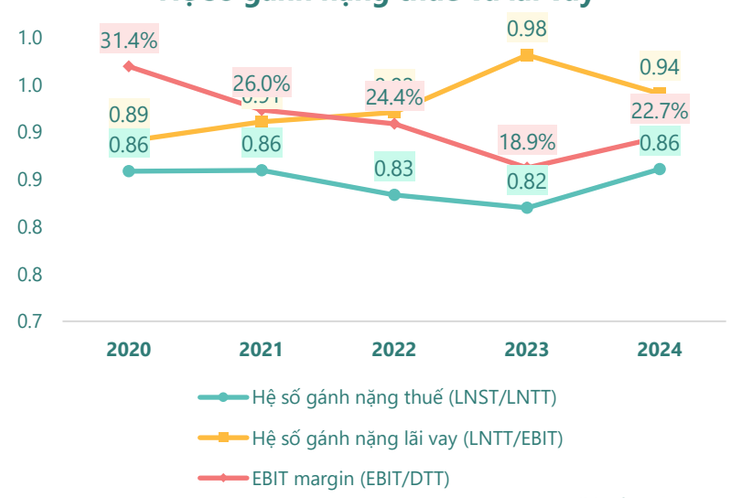
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



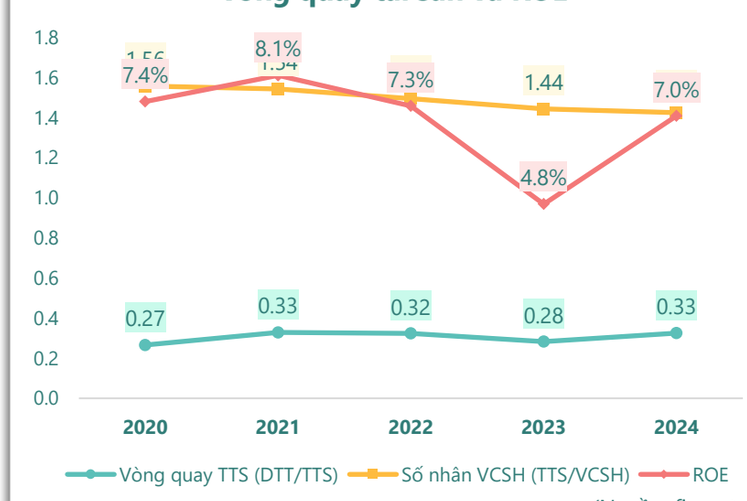
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



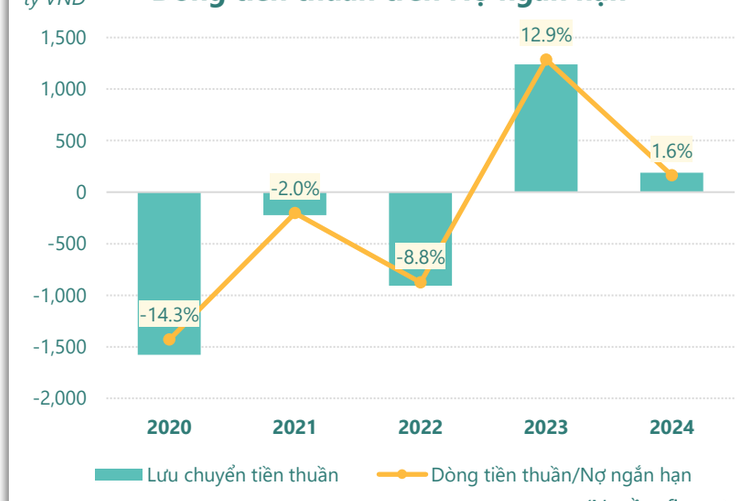
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**5,890**	**4,653**	**26.6%**	**11,567**	**9,238**	**25.2%**
Giá vốn hàng bán	4,082	3,492	16.9%	8,122	7,001	16.0%
Lợi nhuận gộp	1,808	1,161	55.7%	3,445	2,237	54.0%
Doanh thu HĐTC	236	234	0.7%	473	461	2.4%
Chi phí TC	79.6	135	-41.0%	164	246	-33.5%
Chi phí lãi vay	66.7	90.5	-26.3%	136	185	-26.3%
LN trong công ty LKLD	**93.7**	**59.4**	**57.7%**	**104**	**53.0**	**96.9%**
Chi phí bán hàng	104	102	1.8%	198	215	-8.0%
Chi phí QLDN	**531**	**432**	**22.9%**	**952**	**795**	**19.7%**
LN thuần từ HĐKD	1,423	786	81.0%	2,709	1,495	81.2%
Lợi nhuận khác	**530**	**338**	**56.8%**	**808**	**408**	**98.2%**
LN trước thuế	1,953	1,124	73.7%	3,517	1,903	84.8%
Lợi nhuận sau thuế	**1,579**	**935**	**68.9%**	**2,935**	**1,585**	**85.2%**
LNST của CĐ cty mẹ	**1,447**	**821**	**76.2%**	**2,631**	**1,296**	**103%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1,044	-1,030	4,020	-1,792	-555	1,236
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-969	748	-1,658	-244	252	1,065
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-649	-681	-524	2,312	-206	-2,263
Tiền đầu kỳ	4,612	4,204	4,204	5,861	5,779	5,299
Lưu chuyển tiền thuần	**-574**	**-964**	**1,839**	**276**	**-510**	**38.5**
Ảnh hưởng tỷ giá	166	11.5	-182	49.2	30.0	209
Tiền cuối kỳ	4,204	4,204	5,861	6,187	5,299	5,546

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**83,610**	**83,384**	**0.3%**
Tài sản ngắn hạn	29,211	27,670	5.6%
Tiền và tương đương tiền	5,546	5,779	-4.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	13,804	13,952	-1.1%
Phải thu ngắn hạn	3,213	2,539	26.5%
Hàng tồn kho	5,298	4,352	21.7%
Tài sản ngắn hạn khác	1,349	1,048	28.7%
Tài sản dài hạn	**54,399**	**55,713**	**-2.4%**
Phải thu dài hạn	511	608	-15.9%
Tài sản cố định	35,762	35,337	1.2%
Bất động sản đầu tư	1,223	1,287	-4.9%
Tài sản dở dang	8,048	9,067	-11.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	2,124	2,688	-21.0%
Tài sản dài hạn khác	**6,575**	**6,559**	**0.3%**
Lợi thế thương mại	155	168	-7.8%
Nợ phải trả	21,425	24,987	-14.3%
Nợ ngắn hạn	**9,055**	**11,594**	**-21.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,718	4,075	-33.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	942	990	-4.9%
Nợ dài hạn	12,370	13,392	-7.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	2,010	2,964	-32.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**62,185**	**58,397**	**6.5%**
Vốn chủ sở hữu	**62,106**	**58,344**	**6.4%**
Vốn điều lệ	40,000	40,000	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**78.7**	**53.5**	**47.2%**

(Nguồn: fireant.vn)